TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – TP HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 267/2026/QĐST-VHNGĐ	*TP Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 602/2026/TLST-VHNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2026, về "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" của:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân:

Ông Lê Thành T, sinh ngày 04/10/1983;

CCCD số: 070083002576 do Bộ C cấp ngày 13/02/2025.

Địa chỉ: Tổ B, ấp A, xã L, thành phố Đ.

Bà Lê Thị Như H, sinh ngày 08/4/1991

CCCD số: 080191006244 do Cục trưởng cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 27/12/2021.

Địa chỉ: Khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Như H và ông Lê Thành T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là UBND phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 17/12/2012, số 89/2012, nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 24 tháng 8 năm 2026, bà Lê Thị Như H và ông Lê Thành T xác nhận: Mâu thuẫn vợ chồng đến nay đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, ghi nhận bà H, ông T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị Như H và ông Lê Thành T xác nhận có 01 con chung là Lê Minh N, sinh ngày 13/01/2013. Căn

cứ nguyện vọng của cháu N, thỏa thuận giữa ông T, bà H, giao cho bà H trực tiếp nuôi cháu N đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi), ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy thỏa thuận trên của bà H và ông T là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Bà Lê Thị Như H và ông Lê Thành T không yêu cầu giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Lê Thị Như H và ông Lê Thành T không yêu cầu giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị Như H và ông Lê Thành T mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng)

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Như H và ông Lê Thành T thuận tình ly hôn.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị Như H và ông Lê Thành T xác nhận có 01 con chung là Lê Minh N, sinh ngày 13/01/2013.

Giao cháu Lê Minh N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi), ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con, được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị Như H và ông Lê Thành T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0009183, ngày 14 tháng 8 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Như vậy, bà H và ông T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và

36 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV12-TP. Hồ Chí Minh;
- UBND phường Tân Thành, TP Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Nghĩa